GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **288** /QĐ-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lâm Đồng Nhiệm kỳ I (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;*
- *Căn cứ Công văn số 2312/SDTTG-NVTG ngày 18/9/2026 và Công văn số 2624/SDTTG-NVTG ngày 20/10/2026 của Sở Dân tộc Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng;*
- *Căn cứ Tờ trình số 007/TTr-BTS ngày 09/10/2026 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lâm Đồng về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ I (2026-2031).*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ I (2026-2031), gồm 19 thành viên Chứng minh Ban Trị sự, 105 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Hòa thượng Thích Minh Nhật làm Trưởng ban. *(đính kèm danh sách)*

Điều 2: Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng Thường trực Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Lâm Đồng và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng;
- Sở DTTG tỉnh Lâm Đồng;
- PA02 CA tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0042
Số: 288/QĐ-HĐTS · 21/10/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH LÂM ĐỒNG
NHIỆM KỲ I (2026-2031)

(Theo Quyết định số: ..... /QĐ-HĐTS ngày 21/10/2026)

A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ (19 vị)

1. Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Từ;
2. Trưởng lão Hòa thượng Thích Giác Ngộ;
3. Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Chiếu;
4. Trưởng lão Hòa thượng Thích Thái Thuận;
5. Trưởng lão Hòa thượng Thích Giác Sơn;
6. Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Trí;
7. Trưởng lão Hòa thượng Thích Ấn Chánh;
8. Trưởng lão Hòa thượng Thích Toại Châu;
9. Hòa thượng Thích Giác Cảnh;
10. Hòa thượng Thích Giác Hạnh;
11. Hòa thượng Thích Thanh Tân;
12. Hòa thượng Thích Viên Thanh;
13. Hòa thượng Thích Viên Như;
14. Hòa thượng Thích Tâm Vị;
15. Hòa thượng Thích Trí Huệ;
16. Hòa thượng Thích Minh Điền;
17. Hòa thượng Thích Thanh Thế;
18. Hòa thượng Thích Chơn Quang;
19. Thượng tọa Thích Quảng Tuấn

B. BAN TRỊ SỰ: 105 thành viên.

I. Ban Thường trực: 35 vị.

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**HT. Thích Minh Nhật** (Đặng Văn Thọ)	1959	Trưởng ban Trị sự Phụ trách Tăng sự
2	**TT. Thích Quảng Hiền** (Nguyễn Đình Phước)	1975	Phó Trưởng ban Thường trực
3	**TT. Thích Thông Triêm** (Nguyễn Minh Vy)	1969	Phó Trưởng ban Thường trực

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
4	**TT. Thích Vạn Trí** (Phan Vũ Nhẫn)	1968	Phó Trưởng ban Thường trực
5	**TT. Thích Thanh Nhật** (Trần Thanh Quang)	1969	Phó Trưởng ban
6	**TT. Thích Minh Nhựt** (Nguyễn Minh Dũng)	1972	Phó Trưởng ban
7	**TT. Thích Pháp Huệ** (Huỳnh Đức Đề)	1970	Phó Trưởng ban
8	**TT. Thích Nguyên Sắc** (Nguyễn Văn Sanh)	1972	Phó Trưởng ban
9	**TT.Thích Đạt Ma Khế Định** (Phan Hùng Phương)	1970	Phó Trưởng ban
10	**TT. Thích Quảng Nhã** (Nguyễn Văn Hoà)	1975	Phó Trưởng ban
11	**TT. Thích Minh Tâm** (Nguyễn Đình Nam)	1964	Phụ trách Giáo dục
12	**TT. Thích Chiếu Ý** (Nguyễn Ngọc Mười)	1975	Phụ trách Hoằng pháp - Hướng dẫn Phật tử
13	**TT. Thích Nguyên Duyên** (Huỳnh Đại Phúc)	1979	Phụ trách Văn hóa - Nghi lễ
14	**TT. Thích Đồng Tâm** (Lê Ngọc Hòa)	1975	Phụ trách Kinh tế Tài chính - Từ thiện Xã hội
15	**ĐĐ. Thích An Đạt** (Nguyễn Viết Tuấn)	1984	Phụ trách Phật giáo Quốc tế
16	**TT. Thích Nguyên Minh** (Võ Đình Đán)	1978	Phụ trách Pháp chế - Kiểm soát
17	**ĐĐ. Thích Nguyên Nguyệt** (Võ Đình Nhật)	1980	Chánh Thư ký
18	**ĐĐ. Thích Quảng Pháp** (Lê Phước Dịu)	1980	Phó Thư ký kiêm Chánh Văn phòng
19	**TT. Thích Linh Toàn** (Lê Ái Hoàng)	1963	Phó Thư ký Phụ trách Thông tin Truyền thông
20	**TT. Thích Giác Nhường** (Nguyễn Đăng Phương)	1978	Phó Thư ký đặc trách Hệ phái Khất sĩ
21	**NS. Thích Nữ Hạnh Khai** (Lê Thị Thương)	1973	Thủ quỹ Ban Trị sự
22	**TT. Thích Quảng Cao** (Lê Viết Sơn)	1978	Ủy viên Thường trực
23	**TT. Thích Minh Quảng** (Phan Bá Tâm)	1972	Ủy viên Thường trực

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
24	**TT. Thích Nguyên Tâm** (Nguyễn Tín)	1969	Ủy viên Thường trực
25	**TT. Thích Phước Nghĩa** (Trần Văn Thừa)	1977	Ủy viên Thường trực
26	**ĐĐ. Thích Đồng Văn** (Trần Đình Dũng)	1976	Ủy viên Thường trực
27	**TT. Thích Minh Tánh** (Phạm Nguyễn Hoàng Minh)	1970	Ủy viên Thường trực
28	**TT. Thích Quảng Tráng** (Hồ Xuân Cường)	1977	Ủy viên Thường trực
29	**TT. Thích Nhuận Thông** (Nguyễn Thanh Hiếu)	1981	Ủy viên Thường trực
30	**ĐĐ. Thích Vạn Hiển** (Trần Đăng Vinh)	1991	Ủy viên Thường trực
31	**ĐĐ. Thích Đồng Nhiệm** (Nguyễn Quốc Trúc)	1983	Ủy viên Thường trực
32	**ĐĐ. Thích Chúc Tấn** (Phạm Quốc Việt)	1991	Ủy viên Thường trực
33	**ĐĐ. Thích Nguyên Thể** (Phan Bá Hùng Bình)	1983	Ủy viên Thường trực
34	**ĐĐ. Thích Thắng Hòa** (Lê Quý Tính)	1982	Ủy viên Thường trực
35	**NS. Thích Nữ Diệu Minh** (Phan Thị Mỹ)	1965	Ủy viên Thường trực

II. Ủy viên Ban Trị sự: 60 Vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**TT. Thích Nguyên Chơn** (Dương Văn Thừa)	1967	Ủy viên
2	**ĐĐ. Thích Đồng Hạnh** (Nguyễn Anh Tuấn)	1993	Ủy viên
3	**ĐĐ. Thích Nguyên Bảo** (Huỳnh Xuân Tam)	1982	Ủy viên
4	**TT. Thích Như Trấn** (Nguyễn Thái Hòa)	1970	Ủy viên
5	**TT. Thích Quảng Đại** (Đào Tấn Bé)	1978	Ủy viên
6	**TT. Thích Thông Khánh** (Nguyễn Thanh Bình)	1976	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
7	**TT. Thích Từ Minh** (Lê Hồ Đông)	1972	Ủy viên
8	**TT. Thích Thông Châu** (Bùi Văn Thành)	1979	Ủy viên
9	**TT. Thích Bổn Nghĩa** (Đặng Duy Trung)	1978	Ủy viên
10	**TT. Thích Đức Thành** (Nguyễn Văn Tâm)	1975	Ủy viên
11	**ĐĐ. Thích Nguyên Chánh** (Lê Minh Lực)	1966	Ủy viên
12	**ĐĐ. Thích Thắng Minh** (Nguyễn Khắc Kỷ)	1979	Ủy viên
13	**ĐĐ. Thích Như Kiên** (Đinh Văn Ngoãn)	1973	Ủy viên
14	**ĐĐ. Thích Nhuận Lợi** (Hà Hữu Phước)	1982	Ủy viên
15	**ĐĐ. Thích Quảng Mẫn** (Nguyễn Thanh Minh)	1979	Ủy viên
16	**ĐĐ. Thích Nhuận Thái** (Trần Văn Hòa)	1977	Ủy viên
17	**ĐĐ. Thích Thánh Văn** (Phạm Hữu Tải)	1983	Ủy viên
18	**ĐĐ. Thích Quảng Sự** (Trần Đức Dinh)	1984	Ủy viên
19	**ĐĐ. Thích Nhuận Thiện** (Nguyễn Nhất Tài)	1997	Ủy viên
20	**TT. Thích Như Công** (Nguyễn Văn Tân)	1970	Ủy viên
21	**TT. Thích Nguyên Phúc** (Nguyễn Văn Được)	1976	Ủy viên
22	**TT. Thích Đồng Thanh** (Nguyễn Văn Thảo)	1975	Ủy viên
23	**ĐĐ. Thích Đồng Hiếu** (Trần Việt Hùng)	1988	Ủy viên
24	**ĐĐ. Thích Nhuận Minh** (Huỳnh Quốc Cường)	1978	Ủy viên
25	**ĐĐ. Thích Hạnh Định** (Nguyễn Tiến Lực)	1986	Ủy viên
26	**ĐĐ. Thích Nguyên Tánh** (Mai Ngọc Bằng)	1983	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
27	**ĐĐ. Thích Nguyên Viên** (Trương Đỗ Đình Luân)	1984	Ủy viên
28	**ĐĐ. Thích Huệ Tín** (Hồ Ngọc Phương)	1983	Ủy viên
29	**ĐĐ. Thích Nguyên Trí** (Nguyễn Anh Dũng)	1985	Ủy viên
30	**ĐĐ. Thích Phương Huyền** (Đỗ Phú Dương)	1980	Ủy viên
31	**ĐĐ. Thích Trí Định** (Huỳnh Thanh Phong)	1976	Ủy viên
32	**ĐĐ. Thích Hoằng Ngộ** (Bùi Đức Chiến)	1986	Ủy viên
33	**ĐĐ. Thích Đồng Hào** (Phạm Xuân Tuấn)	1989	Ủy viên
34	**ĐĐ. Thích Đạo Thành** (Ngô Lộc)	1974	Ủy viên
35	**ĐĐ. Thích Pháp Tấn** (Nguyễn Ái Nam)	1978	Ủy viên
36	**ĐĐ. Thích Nguyên Tấn** (Trần Đức Thắng)	1983	Ủy viên
37	**ĐĐ. Thích Nguyên Minh** (Võ Anh Trực)	1986	Ủy viên
38	**ĐĐ. Thích Đức Tâm** (Nguyễn Ngọc Tân)	1982	Ủy viên
39	**ĐĐ. Thích Nguyên Quả** (Phạm Thanh Phúc)	1981	Ủy viên
40	**ĐĐ. Thích Chúc Thạnh** (Nguyễn Phi Long)	1987	Ủy viên
41	**ĐĐ. Thích Chúc Phúc** (Nguyễn Thiện Hậu)	1982	Ủy viên
42	**ĐĐ. Thích Nguyên Thế** (Lê Chí Lực)	1985	Ủy viên
43	**ĐĐ. Thích Nguyên Trí** (Bùi Xuân Sơn)	1986	Ủy viên
44	**ĐĐ. Thích Quảng Hiếu** (Dương Ngọc Trung)	1981	Ủy viên
45	**ĐĐ. Thích Giác Hạnh** (Huỳnh Văn Phụng)	1983	Ủy viên
46	**ĐĐ. Thích Nguyên Thức** (Nguyễn Trần Tân)	1993	Ủy viên

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
47	**TT. Thích Nhuận Quang** (Trần Đình Vinh)	1979	Ủy viên
48	**TT. Thích Giới Mãn** (Nguyễn Thiện Dũng)	1978	Ủy viên
49	**ĐĐ. Thích Đồng Duyên** (Nguyễn Văn Vương)	1980	Ủy viên
50	**ĐĐ. Thích Đồng Sỹ** (Nguyễn Đình Quốc Dũng)	1978	Ủy viên
51	**ĐĐ. Thích Như Thể** (Chế Quang Hoàng)	1995	Ủy viên
52	**ĐĐ. Thích Giác Minh Lực** (Nguyễn Ngọc Anh)	1991	Ủy viên
53	**NS. Thích Nữ Hiền Liên** (Nguyễn Thị Phương Mai)	1966	Ủy viên
54	**NS. Thích Nữ Quảng Tâm** (Hồ Thị Thanh Nga)	1968	Ủy viên
55	**NS. Thích Nữ Hạnh Châu** (Nguyễn Thị Phụng)	1965	Ủy viên
56	**NS. Thích Nữ Hạnh Nhẫn** (Lê Thị Quý)	1971	Ủy viên
57	**SC. Thích Nữ Nhuận Hiền** (Mai Thị Diệu Chi)	1977	Ủy viên
58	**NS. Thích Nữ Tịnh An** (Trần Thị Thẩm)	1967	Ủy viên
59	**Cư sĩ Bổn Thanh** (Nguyễn Thị Hồng Hương)	1970	Ủy viên
60	**Cư sĩ Nhuận Quang** (Dương Thị Thùy Vân)	1979	Ủy viên

III. Ủy viên Dự khuyết: 10 vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1	**ĐĐ. Thích Quảng Đại** (Phạm Tấn Sơn)	1980	Ủy viên dự khuyết
2	**ĐĐ. Thích Nguyên Thắng** (Võ Văn Hậu)	1990	Ủy viên dự khuyết
3	**TT. Thích Bổn Quốc** (Châu Huỳnh Đức)	1975	Ủy viên dự khuyết
4	**TT. Thích Đồng Trực** (Trần Lộc)	1980	Ủy viên dự khuyết

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
5	**ĐĐ. Thích Hạnh Bảo** (Huỳnh Ngọc Viện)	1977	Ủy viên dự khuyết
6	**ĐĐ. Thích Minh Duyên** (Trần Văn Hiền)	1970	Ủy viên dự khuyết
7	**ĐĐ. Thích Đồng Hùng** (Nguyễn Văn Sáu)	1978	Ủy viên dự khuyết
8	**ĐĐ. Thích Nhuận Công** (Lương Thanh Tấn)	1993	Ủy viên dự khuyết
9	**Cư sĩ Tịnh Thuyền** (Lê Từ Như Bình Định)	1960	Ủy viên dự khuyết
10	**Cư sĩ Nguyên Chơn** (Phạm Quyền)	1960	Ủy viên dự khuyết

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0042
Số: 288/QĐ-HĐTS · 21/10/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc